TIỂU BAN VĂN KIỆN
NHÓM KTXH-QPAN

Số: 148/KH-NKTXH

Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 06-06-2019 16:34:20 +07:00

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày 20 tháng 6 năm 2019

KẾ HOẠCH

Làm việc của thành viên Nhóm Kinh tế Xã hội – Quốc phòng An ninh thuộc Tiểu ban Văn kiện với các huyện, thành phố

Để thực hiện tốt công tác chuẩn bị Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2021 – 2025 và để có cơ sở cho các huyện, thành phố xây dựng Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện, thành phố nhiệm kỳ 2021 - 2025, đồng chí Phạm Văn Tân – Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh, trưởng nhóm Kinh tế Xã hội – Quốc phòng An ninh đề ra kế hoạch đến và làm việc với UBND các huyện, thành phố về một số nội dung cụ thể như sau:

I – Mục đích:

- Cho ý kiến để giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong công tác chuẩn bị xây dựng Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện, thành phố nhiệm kỳ 2021 – 2025 *(lĩnh vực KTXH – QPAN).*

- Làm cơ sở để góp phần xây dựng tốt Văn kiện Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2021 -2025 và Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI.

II– Thành phần tham dự:

1. Đồng chí Phạm Văn Tân – Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh, trưởng nhóm KTXH – QPAN;

2. Các thành viên thuộc Nhóm Kinh tế Xã hội – Quốc phòng An ninh *(Nhóm 1 theo Thông báo số 03-TB/TBVK của Tỉnh ủy Tây Ninh ngày 08/4/2019)*

3. Lãnh đạo các cơ quan, đơn vị liên quan: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án Nhân dân tỉnh, Cục Thi Hành án dân sự tỉnh; Sở Nội vụ, Sở Ngoại vụ, Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông Vận tải, Sở Thông tin Truyền thông, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tư pháp, Cục Thống kê, Cục thuế.

4. Đại biểu các huyện, thành phố: Do UBND các huyện, thành phố mời *(căn cứ vào phần III – Thời gian và địa điểm của Kế hoạch này).*

III – Thời gian và địa điểm:

1. Cụm 1: Làm việc với các huyện: Hòa Thành, Thành phố Tây Ninh.

- Thời gian: vào lúc 8h, thứ ba, ngày 23/7/2019.

- Địa điểm: UBND Thành phố Tây Ninh.

2. Cụm 2: Làm việc với các huyện: Dương Minh Châu, Gò Dầu, Trảng Bàng.

- Thời gian: vào lúc 8h, thứ năm, ngày 25/7/2019.

- Địa điểm: UBND huyện Gò Dầu.

3. Cụm 3: Làm việc với các huyện: Bến Cầu, Châu Thành.

- Thời gian: vào lúc 8h, thứ ba, ngày 30/7/2019.

- Địa điểm: UBND huyện Châu Thành.

4. Cụm 4: Làm việc với các huyện: Tân Biên, Tân Châu.

- Thời gian: vào lúc 8h, thứ tư, ngày 31/7/2019.

- Địa điểm: UBND huyện Tân Châu.

IV – Tổ chức thực hiện

1. Giao các huyện, thành phố: Căn cứ vào Đề cương tổng quát báo cáo chính trị của BCH Đảng bộ tỉnh khóa X, nhiệm kỳ 2015 – 2020, Kế hoạch số 02-KH/TBVK ngày 08/4/2019 của Tỉnh ủy và các công văn quy định của Trung ương để soạn thảo dự thảo báo cáo chính trị của BCH Đảng bộ huyện, thành phố nhiệm kỳ 2015 – 2020 trình Đại hội Đại biểu Đảng bộ huyện, thành phố nhiệm kỳ 2021 – 2025 *(lĩnh vực KTXH – QPAN)* và gửi về Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh 3 ngày trước buổi làm việc.

2. Giao UBND các huyện, thành phố: Gò Dầu, Châu Thành, Tân Châu, Thành phố Tây Ninh chuẩn bị địa điểm họp chu đáo.

3. Giao Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh bố trí phương tiện chung cho các sở, ban, ngành đến và làm việc với các huyện, thành phố.

Đề nghị các đơn vị tham dự đúng thành phần để buổi làm việc đạt hiệu quả tốt.

**Ghi chú: Kế hoạch này thay thế giấy mời; Căn cứ vào tình hình thực tế, nếu có sự thay đổi về thời gian làm việc, sẽ có thông báo điều chỉnh.*

Nơi nhận :
- Như thành phần tham dự.
- CT, PCT Thanh Ngọc;
- PTVP Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- Phòng TKTH;
- Lưu VT.

20

PHÓ BÍ THƯ – CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Kiêm
TRƯỞNG NHÓM

Phạm Văn Tân

ĐỀ CƯƠNG TỔNG QUÁT
báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá X, nhiệm kỳ 2015 – 2020 trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 – 2025

A- ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2016 – 2020

I- CÁC KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1- Về các chỉ tiêu chủ yếu

a) Chỉ tiêu kinh tế (10 chỉ tiêu)

- Tổng sản phẩm trong tỉnh *(GRDP)* tăng bình quân hằng năm;
- GRDP bình quân đầu người theo giá hiện hành đến năm 2020;
- Cơ cấu ngành kinh tế trong GRDP năm cuối giai đoạn;
- Giá trị sản xuất nông – lâm – thuỷ sản tăng bình quân hằng năm;
- Giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân hằng năm;.
- Giá trị sản xuất các ngành dịch vụ tăng bình quân hằng năm;
- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng bình quân hằng năm; trong đó, thu nội địa tăng bình quân hằng năm;
- Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội;
- Kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân hàng năm;
- Kim ngạch nhập khẩu tăng bình quân hàng năm.

b) Chỉ tiêu văn hóa - xã hội (8 chỉ tiêu)

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân hằng năm.
- Số lao động có việc làm tăng thêm hằng năm;

** Đến năm 2020:*

- Tỷ lệ lao động đang làm việc đã qua đào tạo;
- Tỷ lệ thất nghiệp;
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên;
- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân;
- Số bác sĩ/ vạn dân; số giường bệnh/vạn dân *(không tính giường bệnh trạm y tế xã);*
- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế.

c) Chỉ tiêu về môi trường (6 chỉ tiêu)

** Đến năm 2020:*

- Tỷ lệ hộ dân cư thành thị được sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh;
- Tỷ lệ hộ dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh;
- Tỷ lệ che phủ của rừng (bao gồm độ che phủ của cây cao su) ; Trong đó tỷ lệ che phủ của rừng *(đã loại trừ cây cao su)*;

– Tỷ lệ các cơ sở y tế, khu công nghiệp, khu chế xuất xử lý chất thải rắn, nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia ;

– Tỷ lệ đô thị xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia: chất thải rắn, nước thải;

– Tỷ lệ xử lý triệt để cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

2- Về thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế gắn với mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, trong đó tập trung đánh giá các nội dung sau:

2.1- Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

– Kết quả cơ cấu lại ngành công nghiệp. Tốc độ tăng trưởng của một số ngành sản xuất chủ lực của tỉnh. Đánh giá sự thay đổi đối với các sản phẩm công nghiệp; mức tiêu tốn điện năng trong sản xuất.

– Về triển khai các khu, cụm công nghiệp theo quy hoạch; các dự án công nghiệp ngoài khu, cụm công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu.

– Đánh giá các hoạt động khuyến công, hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề truyền thống.

– Kết quả việc sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo.

2.2- Nông nghiệp – kinh tế nông thôn

– Kết quả thực hiện đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh theo hướng xây dựng chuỗi giá trị, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Đánh giá mức độ ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất, tỷ lệ cơ giới hóa trong nông nghiệp. Các chính sách ưu tiên đầu tư và kết quả thu hút nguồn lực đầu tư phát triển nông nghiệp.

– Kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

– Kết quả thực hiện kinh tế hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp.

– Kết quả thực hiện Nghị quyết số 30-NQ/TW, ngày 12/3/2014 của Bộ Chính trị về Sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp.

2.3- Thương mại – dịch vụ

– Các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp trong công tác xúc tiến thương mại. Công tác xúc tiến quảng bá thương hiệu, tìm kiếm thị trường mới.

– Cơ cấu lại ngành du lịch, nâng cao chất lượng dịch vụ; thu hút đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng khu, điểm du lịch và các sản phẩm du lịch đặc trưng.

– Kết quả phát triển thương mại - dịch vụ - du lịch gắn kết với các tỉnh trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam.

2.4- Hoạt động tài chính, tín dụng

– Đánh giá các tình hình thu chi ngân sách nhà nước (chi thường xuyên, chi đầu tư, tỷ trọng chi đầu tư phát triển qua các năm…) trên địa bàn.

– Kết quả huy động vốn trong hệ thống ngân hàng. Việc thực hiện cơ cấu lại các tổ chức tín dụng theo phương án chung của hệ thống Ngân hàng Nhà nước.

2.5- Tình hình huy động, đẩy mạnh hợp tác, thu hút đầu tư trong và ngoài nước

– Kết quả huy động nguồn lực toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

– Kết quả cơ cấu lại đầu tư công. Đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn vốn đầu tư phát triển từ nguồn NSNN giai đoạn 2016 – 2020.

– Kết quả xúc tiến đầu tư trên địa bàn. Sự thay đổi của môi trường đầu tư từ đầu nhiệm kỳ đến nay.

– Kết quả thu hút đầu tư trong và ngoài nước.

– Kết quả thực hiện các chương trình hợp tác phát triển kinh tế - xã hội với các tỉnh, thành, các trường đào tạo và các tập đoàn kinh tế.

2.6- Phát triển doanh nghiệp và tái cơ cấu doanh nghiệp

– Kết quả thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; các Nghị quyết số 19/NQ-CP của Chính phủ về tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia;

– Đánh giá tình hình phát triển doanh nghiệp. Trong đó, có nêu chi tiết số doanh nghiệp đang hoạt động trên từng lĩnh vực: Công nghiệp – Xây dựng, Thương mại – Dịch vụ, Nông – Lâm – Thủy sản, số trang trại nông lâm ngư, Doanh nghiệp FDI.

– Phát triển kinh tế tập thể, hỗ trợ tiếp cận nguồn vốn, đào tạo nguồn nhân lực, chuyển giao kỹ thuật công nghệ.

– Đánh giá tình hình cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước.

2.7- Chương trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội

Đánh giá khái quát một số kết quả chính trong triển khai thực hiện Chương trình đột phá về phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông (có số liệu minh họa), phần đánh giá cụ thể sẽ thể hiện trong báo cáo chuyên đề.

2.8- Công tác quy hoạch, phát triển đô thị

– Đánh giá công tác lập và triển khai quy hoạch trong thời gian qua.

– Đánh giá tốc độ đô thị hóa.

– Kết quả thực hiện Chương trình phát triển đô thị tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2014 – 2020 và định hướng đến năm 2030.

3- Phát triển văn hóa, xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân

3.1- Hoạt động văn hoá, thông tin, thể dục, thể thao

– Chất lượng các hoạt động văn hóa, văn nghệ phục vụ nhiệm vụ chính trị và đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí người dân. Trong đó có nêu cụ thể tỷ lệ huyện, thành phố có Nhà văn hóa thể thao, thư viện, tỉ lệ xã có hệ thống truyền thông, tỷ lệ dân cư được xem truyền hình.

– Đánh giá công tác thông tin, truyền thông, báo chí, xuất bản.

– Đánh giá chất lượng Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", số lượng ấp, khu phố đạt chuẩn văn hóa, số gia đình đạt chuẩn gia đình văn hóa.

– Công tác quản lý và phát huy các giá trị di tích lịch sử, văn hóa.

– Đánh giá chất lượng thể thao phong trào, tỷ lệ người dân thường xuyên tham gia luyện tập thể dục, thể thao, công tác giáo dục thể chất ở trường học. Giáo dục thể chất gắn với giáo dục tri thức cho thế hệ trẻ.

– Kết quả xã hội hóa trong lĩnh vực văn hóa - thể dục, thể thao.

3.2- Giáo dục và đào tạo

– Đánh giá chất lượng dạy và học, vấn đề giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh.

– Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất trường, lớp.

– Công tác hướng nghiệp cho học sinh khối trung học phổ thông.

– Đầu tư, nâng cấp hệ thống các trường đào tạo nghề. Liên kết đào tạo nghề, gắn đào tạo nghề với nhu cầu sử dụng lao động với các trường ngoài tỉnh.

– Chất lượng hoạt động các trung tâm giáo dục thường xuyên.

– Kết quả xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục.

3.3- Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân

– Đánh giá việc đầu tư, nâng cấp mạng lưới y tế từ tỉnh đến cơ sở về cơ sở vật chất, trang thiết bị; năng lực chuyên môn. Trong đó, có nêu tuổi thọ trung bình của người dân trên địa bàn tỉnh.

– Chất lượng khám chữa bệnh.

– Công tác phòng, chống dịch bệnh. Vấn đề kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm.

– Đánh giá kết quả xã hội hóa trong lĩnh vực y tế.

3.4- Chính sách xã hội

– Công tác an sinh xã hội, kết quả chăm lo cho người nghèo, các đối tượng bảo trợ xã hội.

– Công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm. Trong đó, có nêu chi tiết tỉ lệ lao động trong nông nghiệp; Tỉ lệ sử dụng lao động ở khu vực nông thôn, tỉ lệ lao động qua đào tạo và sản lượng lao động xuất khẩu trên cơ sở so sánh với số lượng lao động được giải quyết việc làm.

– Tình hình thực hiện các quyền của trẻ em, phát triển thanh niên, bình đẳng giới; các chính sách dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng.

4- Khoa học - công nghệ và tài nguyên, môi trường

4.1- Khoa học, công nghệ

– Đánh giá kết quả hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ về khả năng ứng dụng; một số đề tài/dự án có tính ứng dụng thực tiễn cao trong các lĩnh vực.

– Đầu tư, phát triển khoa học – công nghệ.

– Đánh giá năng suất lao động tổng hợp chung; tốc độ tăng TFP qua các năm của tỉnh 5 năm 2016 – 2020.

4.2- Tài nguyên, môi trường

– Đánh giá công tác quản lý, sử dụng đất đai.

– Đánh giá các hoạt động khai thác tài nguyên - khoáng sản.

– Việc chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường.

– Công tác phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

5- Quốc phòng – an ninh, công tác nội chính

5.1- Nhiệm vụ quân sự - quốc phòng địa phương

– Kết quả thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW của BCH Trung ương khoa XI về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

– Xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân, thế trận lòng dân.

– Dự án xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh; kết quả diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh và các huyện.

– Đề án xây dựng 3 khu dân cư biên giới Bắc Tây Ninh.

5.2- An ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội

– Đánh giá tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong nội địa và trên tuyến biên giới.

– Kết quả công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới; công tác phòng, chống và kiểm soát ma túy trong tình hình mới và Chương trình mục tiêu 4 giảm của tỉnh.

– An ninh kinh tế, an ninh nông thôn, an ninh tôn giáo.

– Công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông; phòng, chống cháy nổ.

– Xây dựng lực lượng công an nhân dân cấp xã, trang bị cơ sở vật chất, vũ khí, công cụ hỗ trợ sẵn sàng ứng phó với tình huống khẩn cấp.

5.3- Công tác nội chính

– Kết quả thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.

– Công tác thi hành án dân sự.

– Công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật. Công tác đối thoại trực tiếp với người dân, giải quyết những kiến nghị chính đáng của Nhân dân và khiếu nại, tố cáo của công dân.

– Kết quả thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khoá X) về công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

– Trách nhiệm giải trình trong thực thi công vụ và trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

6- Công tác đối ngoại

– Hoạt động đối ngoại của chính quyền các cấp.

– Công tác phân giới, cắm mốc.

– Thực hiện các chính sách đối với Việt kiều.

7- Công tác xây dựng chính quyền, phát triển nguồn nhân lực, cải cách hành chính.

7.1- Xây dựng chính quyền

– Kết quả thực hiện Kết luận số 64-KL/TW của BCH Trung ương đảng khóa XI về Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở.

– Sắp xếp, kiện toàn tổ chức, bộ máy, cán bộ của hệ thống chính quyền (theo Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017).

– Công tác kiểm tra thực thi công vụ trong cơ quan, đơn vị, của cán bộ, công chức.

7.2- Phát triển nguồn nhân lực

Đánh giá khái quát một số kết quả chính trong triển khai thực hiện Chương trình đột phá về phát triển nguồn nhân lực (có số liệu minh họa), phần đánh giá cụ thể sẽ thể hiện trong báo cáo chuyên đề).

7.3- Cải cách hành chính

– Đánh giá khái quát một số kết quả chính trong triển khai thực hiện Chương trình đột phá về Cải cách hành chính (có số liệu minh họa), phần đánh giá cụ thể sẽ thể hiện trong báo cáo chuyên đề).

– Đánh giá tình hình triển khai các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử của tỉnh, việc thực hiện giải pháp đột phá về công nghệ thông tin.

II- HẠN CHẾ, YẾU KÉM

1- Lĩnh vực kinh tế

2- Lĩnh vực văn hóa- xã hội, khoa học công nghệ, môi trường

3- Quốc phòng- an ninh, công tác nội chính

4- Xây dựng chính quyền, cải cách hành chính

III- ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT KẾT QUẢ THỰC HIỆN

IV- NGUYÊN NHÂN VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1- Nguyên nhân thành tựu

1.1. Khách quan:

1.2- Chủ quan:

2- Nguyên nhân hạn chế, yếu kém

2.1- Khách quan

2.2- Chủ quan

3- Bài học kinh nghiệm

B- MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

I- DỰ BÁO TÌNH HÌNH

II- MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1- Mục tiêu

1.1- Mục tiêu tổng quát

1.2- Mục tiêu cụ thể

2- Các chỉ tiêu chủ yếu

III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1- Các chương trình đột phá

2- Về cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình phát triển theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; trong đó nhiệm vụ cơ cấu lại ngành, lĩnh vực.

3- Về phát triển giáo dục đào tạo gắn với đẩy mạnh phát triển khoa học và công nghệ.

4- Về phát triển các lĩnh vực văn hoá, xã hội, thể dục, thể thao, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân

5- Về tăng cường quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và chủ động với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai.

6- Về thực hiện cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Tăng cường công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

7- Về quốc phòng- an ninh, công tác nội chính

8- Về công tác đối ngoại

TỈNH UỶ TÂY NINH
TIỂU BAN VĂN KIỆN
*
Số 02-KH/TBVK

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Tây Ninh, ngày 08 tháng 4 năm 2019

VĂN PHÒNG ĐĐBQH, HĐND VÀ UBND TỈNH TÂY NINH
ĐẾN Số: 5838
Ngày: 23/4/19
Chuyển: VHXP

P. TH (P:1)

KẾ HOẠCH
chuẩn bị Văn kiện Đại hội XI Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2020 - 2025

Căn cứ Quyết định số 4688-QĐ/TU, ngày 15/3/2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về việc thành lập Tiểu ban Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025, Tiểu ban Văn kiện xây dựng Kế hoạch thực hiện cụ thể như sau:

I- CÁC NỘI DUNG TRÌNH ĐẠI HỘI

1. Văn kiện trình Đại hội: gồm 03 tài liệu

- Dự thảo Báo cáo chính trị.

- Dự thảo Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá X, nhiệm kỳ 2015 - 2020.

- Dự thảo Nghị quyết Đại hội XI Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2020 - 2025.

2. Văn kiện lưu hành trong Đại hội

- Các báo cáo chuyên đề phục vụ Đại hội XI Đảng bộ tỉnh.

3. Một số nội dung khác

- Chương trình Đại hội XI Đảng bộ tỉnh (tổng quát và chi tiết).

- Báo cáo tổng hợp ý kiến đóng góp của các cấp uỷ đảng, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân vào dự thảo các văn kiện Đại hội XI Đảng bộ tỉnh.

- Báo cáo tổng hợp ý kiến đóng góp của các cấp uỷ đảng, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân vào dự thảo văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

II- PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ (có văn bản riêng)

Các thành viên Tiểu ban Văn kiện được chia thành 3 nhóm để chỉ đạo, cung cấp thông tin phục vụ việc xây dựng văn kiện theo các lĩnh vực.

1. Đồng chí **Phạm Viết Thanh**, Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng - Bí thư Tỉnh uỷ, Trưởng Tiểu ban Văn kiện Đại hội phụ trách chung và trực tiếp chủ trì các cuộc họp chuẩn bị nội dung trình Tiểu ban Văn kiện, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ và Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

2. Các nhóm xây dựng Văn kiện Đại hội

2.1. Nhóm 1: tham mưu Tiểu ban Văn kiện xây dựng dự thảo: Báo cáo chính trị và các báo cáo chuyên đề có liên quan đến lĩnh vực kinh tế, văn hoá - xã hội,

quốc phòng, an ninh, do đồng chí **Phạm Văn Tân**, Phó Bí thư Tỉnh uỷ - Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh làm Trưởng nhóm.

2.2. Nhóm 2: tham mưu Tiểu ban Văn kiện xây dựng dự thảo: Báo cáo chính trị và các báo cáo chuyên đề có liên quan đến lĩnh vực xây dựng Đảng, công tác chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội; Báo cáo kiểm điểm, do đồng chí **Nguyễn Thành Tâm**, Phó Bí thư Tỉnh uỷ - Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh làm Trưởng nhóm.

2.3. Nhóm tổng hợp chung: tham mưu Tiểu ban Văn kiện hoàn thiện các dự thảo: Báo cáo chính trị; Báo cáo kiểm điểm; xây dựng dự thảo Nghị quyết Đại hội XI Đảng bộ tỉnh; Báo cáo tổng hợp ý kiến đóng góp của các cấp uỷ đảng, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân vào dự các văn kiện Đại hội XI Đảng bộ tỉnh; Báo cáo tổng hợp ý kiến đóng góp của các cấp uỷ đảng, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân vào dự thảo văn kiện của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; thực hiện các nội dung khác có liên quan đến nội dung, chương trình Đại hội do đồng chí **Nguyễn Minh Tân**, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh uỷ làm Trưởng nhóm.

III- CÁC BƯỚC XÂY DỰNG VĂN KIỆN

1- Xây dựng Đề cương sơ bộ, chi tiết Báo cáo chính trị, Báo cáo kiểm điểm

1.1. Xây dựng Đề cương sơ bộ: thời gian hoàn thành **trước ngày 05/6/2019**.

1.2. Xây dựng Đề cương chi tiết: thời gian hoàn thành **trước ngày 30/6/2019**.

2- Lộ trình dự thảo văn kiện

- Căn cứ vào Đề cương chi tiết của Báo cáo chính trị, Báo cáo kiểm điểm, các nhóm chủ động xây dựng dự thảo nội dung báo cáo tổng kết, đánh giá kết quả nhiệm kỳ 2015 - 2020; phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp trong nhiệm kỳ 2020 - 2025 thuộc lĩnh vực được phân công, gửi về Nhóm tổng hợp chung **trước ngày 31/10/2019**.

- Biên tập lần 1 Báo cáo chính trị, Báo cáo kiểm điểm: Nhóm tổng hợp chung tổng hợp dự thảo từng phần của Báo cáo chính trị, Báo cáo kiểm điểm thành dự thảo toàn văn của Báo cáo; dự thảo Nghị quyết Đại hội. Tổ chức lấy ý kiến các thành viên Tổ Giúp việc và Tiểu ban Văn kiện, hoàn chỉnh dự thảo Báo cáo lần đầu và trình xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh uỷ **trước ngày 20/11/2019**.

- Biên tập lần 2 Báo cáo chính trị, Báo cáo kiểm điểm, Nghị quyết Đại hội: tiếp thu ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Nhóm tổng hợp chung biên tập lần hai Báo cáo chính trị, Báo cáo kiểm điểm, Nghị quyết Đại hội để trình xin ý kiến Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh trước ngày **10/12/2019**.

- Biên tập lần 3 Báo cáo chính trị, Báo cáo kiểm điểm, Nghị quyết Đại hội: tiếp thu ý kiến Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Nhóm tổng hợp chung biên tập lại Báo cáo chính trị, Báo cáo kiểm điểm, Nghị quyết Đại hội. Nếu còn nhiều ý

kiến khác nhau thì Tiểu ban Văn kiện tiến hành thu thập tài liệu, bổ sung, hoàn chỉnh và xin lại ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh uỷ và Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, sau đó trình lại Ban Thường vụ Tỉnh uỷ **trước ngày 30/12/2019.**

- Nhóm tổng hợp chung hoàn chỉnh Văn kiện đại hội theo ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, gửi lấy ý kiến cấp huyện và ý kiến đóng góp của các cán bộ lão thành cách mạng, cán bộ hưu trí, các nhà khoa học, đội ngũ trí thức và các tầng lớp nhân dân.

- Biên tập lần 4: Tiểu ban Văn kiện thực hiện chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ tiếp thu ý kiến đại hội đảng bộ trực thuộc Tỉnh uỷ và ý kiến đóng góp của các cán bộ lão thành cách mạng, cán bộ hưu trí, các nhà khoa học, đội ngũ trí thức và các tầng lớp nhân dân, biên tập lại văn kiện đại hội trình xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh uỷ **trước ngày 05/8/2020.**

- Biên tập lần 5: tiếp thu ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Nhóm tổng hợp chung tiếp tục hoàn chỉnh dự thảo Báo cáo chính trị, Báo cáo kiểm điểm, Nghị quyết Đại hội; báo cáo tóm tắt (Báo cáo chính trị, Báo cáo kiểm điểm); các báo cáo chuyên đề; báo cáo tổng hợp ý kiến đóng góp để Ban Thường vụ Tỉnh uỷ xin ý kiến Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. Tiếp thu ý kiến Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, hoàn chỉnh các dự thảo **trước ngày 20/8/2020.**

- Biên tập lần 6: Sau khi Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh tổ chức tiếp thu ý kiến của Bộ Chính trị, Nhóm tổng hợp chung tiếp thu, hoàn thiện các dự thảo Báo cáo chính trị, Báo cáo kiểm điểm, Nghị quyết Đại hội và một số nội dung khác thành tài liệu chính thức trình Đại hội XI Đảng bộ tỉnh (in thành cuốn để phát hành trong Đại hội).

*** Thời gian lộ trình biên tập Văn kiện Đại hội** có thể được thay đổi để phù hợp với yêu cầu của tình hình thực tế.

3- Dự thảo chương trình Đại hội:

- Văn phòng Tỉnh uỷ dự thảo Chương trình Đại hội (tổng quát, chi tiết).

- Thời gian hoàn thành: **trong quí I/2020.**

4- Hoàn tất các nội dung phục vụ Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI

- Thời gian hoàn thành: **cuối tháng 8/2020.**

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Căn cứ vào kế hoạch này, các đồng chí Trưởng nhóm xác định rõ những việc phải làm, thời gian hoàn thành, chỉ đạo các thành viên trong nhóm xây dựng kế hoạch, lịch công tác để thực hiện phần việc được phân công và hoàn thành dự thảo đề cương chi tiết gửi về Nhóm tổng hợp chung (qua Văn phòng Tỉnh uỷ) trước **ngày 30/6/2019.**

- Các đồng chí thành viên phụ trách từng lĩnh vực chỉ đạo và trưng dụng một

số cán bộ có năng lực, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm của đơn vị mình để thực hiện nhiệm vụ được phân công.

- Tổ trưởng Tổ Giúp việc của Tiểu ban Văn kiện có trách nhiệm cụ thể hoá, thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ nêu tại kế hoạch này; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong tổ; xác định rõ các bước thực hiện, thời gian hoàn thành các dự thảo văn kiện, thời gian thông qua Tiểu ban Văn kiện, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh các nội dung có liên quan, bảo đảm đúng tiến độ, đạt yêu cầu, chất lượng công việc được giao.

- Định kỳ hằng tháng, Tiểu ban Văn kiện họp 01 lần và họp đột xuất khi cần thiết để đánh giá tiến độ thực hiện nhiệm vụ của Tiểu ban.

- Các đảng đoàn, ban cán sự đảng, các sở, ban, ngành, các huyện ủy, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ có trách nhiệm cung cấp thông tin để Tiểu ban Văn kiện và Tổ Giúp việc hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ của Tiểu ban Văn kiện Đại hội XI Đảng bộ tỉnh. Căn cứ vào tình hình thực tế của tỉnh và sự chỉ đạo của Trung ương; nếu có thay đổi nội dung, Tiểu ban Văn kiện sẽ điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

Nơi nhận:
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh uỷ; đảng đoàn, ban cán sự đảng,
- Các huyện, thành uỷ và đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ,
- Các đồng chí Tỉnh uỷ viên,
- Thành viên Tiểu ban Văn kiện,
- Lưu Văn phòng Tỉnh uỷ.

PTB-102

PHÓ BÍ THƯ
kiêm
PHÓ TRƯỞNG TIỂU BAN

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TỈNH ỦY TÂY NINH

Nguyễn Minh Tân